

Bản án số: 81/2018/HSST
Ngày 15/5/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hân và bà Nguyễn Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Dư, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn Ng, sinh năm 1968 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị Tr (đã chết); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ là Lê Thị T, sinh năm 1972 và có 03 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 47 tháng về tội “Đánh bạc”. Bùi Văn Ng chấp hành xong phần án phí, tiền phạt ngày 19/9/2011.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1964 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn PC, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1933; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 và có 03 con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/12/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh BN xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 18 ngày về tội “Đánh bạc”. Nguyễn Văn Nh chấp hành xong tiền án phí ngày 05/6/2012.

Ngày 02/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xử phạt 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, Tổng hợp hình phạt với 09 tháng tù của bản án ngày 12/12/2011

của Tòa án nhân dân tỉnh BN. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Nh phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 16 tháng tù. Nguyễn Văn Nh chấp hành xong bản án ngày 04/10/2014.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1973 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1932; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ là Nguyễn Thị Ất, sinh năm 1975 và có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/01/2008, bị Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN xử phạt 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 51 tháng về tội “Đánh bạc”. Nguyễn Văn L chấp hành xong tiền án phí và tiền phạt ngày 04/9/2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa

4. Nguyễn Văn L2, sinh năm 1986 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1963; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1986 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1953; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ là Trần Thị T, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Hữu T, sinh năm 1978 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1957; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ nhất; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và có 04 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1974 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn PC, xã DL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1934 và bà Lê Thị Kh, sinh năm 1934; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là thứ năm; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1985 tại huyện QV, tỉnh BN.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã DL, huyện QV, tỉnh BN.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 28/12/2017, Bùi Văn Ng đang ở nhà thì có Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn Nh đến nhà Ng ngồi chơi, uống nước, Ng ngồi chơi một lúc sau có việc đi ra ngoài. Tiếp đó, có Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch đến nhà Ng ngồi chơi. Khi ở nhà Ng thì L1 rủ mọi người chơi bạc bằng hình thức chơi “Liêng”, mọi người đồng ý. Cùng lúc đó, Ng quay về và có người bảo Ng đi mua bộ tú lơ khơ về cho mọi người đánh bạc. Ng đồng ý và đi mua bộ tú lơ khơ về cho mọi người đánh bạc. Sau đó, L1, Nh, L2, Đ1 và Ch ngồi xuống chiếu đã được chải sẵn ở nền nhà Ng để tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi “Liêng” và thống nhất vào gà thấp nhất là 10.000đ và cao nhất là 50.000đ. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì có Nguyễn Văn Đ2 và Lê Hữu T đến và cùng tham gia đánh bạc. Sau khi Đ2 và T tham gia đánh bạc được một lúc thì Ch hết tiền nên đi về nhà. Tiếp đó có Nguyễn Văn L3 đến nhà Ng xem đánh bạc. Nguyễn Văn Ch sau đó lại quay lại nhà Ng xem đánh bạc đến 11 giờ 30 phút thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Quá trình đánh bạc, các đối tượng đã đưa cho Ng số tiền là 300.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm có: Thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cỏi. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 5.760.000đ, thu giữ trên người các con bạc là 12.000.000đ. Ngoài ra còn thu giữ 08 điện thoại di động các loại của các con bạc.

Quá trình điều tra xác định, khi đi đánh bạc: Nguyễn Văn Nh có 2.500.000đ, bỏ ra 500.000đ đánh bạc còn 2.000.000đ Công an thu giữ không sử dụng vào việc

đánh bạc. Nguyễn Văn L1 có 3.850.000đ, bỏ ra 850.000đ đánh bạc còn lại 3.000.000đ Công an thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc. Nguyễn Văn L2 có 2.500.000đ, bỏ ra 1.000.000đ để đánh bạc còn lại 1.500.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc. Nguyễn Văn Đ1 có 4.720.000đ, bỏ ra 1.220.000đ còn lại 3.500.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc, khi Công an bắt giữ thu trên người Đ1 3.820.000đ trong đó có 320.000đ dùng vào việc đánh bạc. Lê Hữu T và Nguyễn Văn Đ2 mỗi người có 900.000đ đánh bạc và thua hết. Nguyễn Văn Ch có 60.000đ đánh bạc và thua hết.

Như vậy, số tiền dùng vào việc đánh bạc gồm tiền thu trên chiếu bạc 5.760.000đ; thu của Ng 300.000đ là tiền các con bạc đưa cho Ng và thu 320.000đ trên người Đ1 dùng để đánh bạc. Tổng số tiền là 6.380.000đ.

Đối với 8 chiếc điện thoại ở trên và số tiền 1.180.000đ của L3, xác định không dùng vào việc đánh bạc nên ngày 25/02/2018, cơ quan điều tra Công an huyện QV đã trả lại cho các đối tượng trên sở hữu, sử dụng.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 33/Ctr-VKS ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ đã truy tố bị cáo Bùi Văn Ng, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, cụ thể như sau;

Bị cáo Bùi Văn Ng khai nhận vào khoảng từ 9h đến 11h30’ ngày 28/12/2017, bị cáo có đồng ý cho các đối tượng Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” ăn tiền tại nhà của bị cáo ở thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN trong đó bị cáo là người đã chuẩn bị quân bài và nhận tiền do các con bạc cho là 300.000đ còn L1 là người khởi xướng rủ rê đánh bạc. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Đánh bạc" là đúng.

Các bị cáo Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch đều khai nhận vào khoảng từ 9h đến 11h30’ ngày 28/12/2017 có tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” ăn tiền tại nhà của Bùi Văn Ng ở thôn TL, xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN trong đó L1 là người khởi xướng rủ rê các con bạc đánh bạc. Các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" là đúng.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo đã kết luận về vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn Ng, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, (Điều 33 đối với Nh). Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt:

1. Bùi Văn Ng từ 10 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 28 tháng.

2. Nguyễn Văn Nh từ 10 tháng đến 14 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ.

3. Nguyễn Văn L1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h và điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

4. Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Ch, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 bộ luật hình sự năm 1999: Phạt tiền mỗi bị cáo từ 05 đến 07 triệu đồng xung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

5. Nguyễn Văn Đ2, phạt tiền từ 20 đến 25 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41,42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đã dùng vào việc phạm tội là 6.380.000đ. Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói màu xanh đã qua sử dụng.

Trả lại Nguyễn Văn Nh 2.000.000đ; Nguyễn Văn L1 3.000.000đ; Nguyễn Văn L2 1.500.000đ; Nguyễn Văn Đ1 3.500.000đ; Nguyễn Văn Ng 200.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Sau khi nghe bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút, ngày 28/12/2017, tại nhà của Bùi Văn Ng ở thôn TL, xã ĐL, huyện QV, Công an huyện QV phối hợp với Công an xã ĐL bắt quả tang các đối tượng đang tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi “Liêng” gồm: Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch và thu giữ 08 chiếc điện thoại di động các loại, 01 bộ tú lơ khơ, 01 chiếu cói và tổng số tiền 17.760.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó tiền dùng vào đánh bạc là 6.380.000đ, số tiền không sử dụng vào việc đánh bạc là 11.380.000đ.

Bị cáo Bùi Văn Ng là chủ nhà tuy không tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý để các con bạc đánh bạc tại nhà mình bằng hình thức đánh “Liêng” ăn tiền, bị cáo là người chuẩn bị quân bài và nhận tiền do các con bạc cho là 300.000đ. Hành vi của Ng tuy chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” hoặc “Gá bạc” nhưng Ng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm giúp sức.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Bùi Văn Ng, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch phạm tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới an ninh trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi chứa chấp đánh bạc và đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, số tiền của từng bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn nhưng lại lôi kéo nhiều người tham gia, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo chẳng những làm gia tăng tệ nạn cờ bạc trong cộng đồng dân cư, mà còn ảnh hưởng xấu đến cuộc sống bình thường của nhiều gia đình khi có con em, người thân đam mê cờ bạc và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo nhất thời phạm tội, không có người đứng ra tổ chức hay có sự phân công chuẩn bị từ trước và không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình thực hiện tội phạm. Các bị cáo đều tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, riêng bị cáo Nguyễn Văn Ch đánh bạc do hết tiền nên về nhà nhưng lúc sau vẫn đến nhà Ng xem và không tham gia đánh bạc tiếp. Tuy nhiên, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án có khác nhau, cụ thể: Bùi Văn Ng tuy không tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý dùng nhà mình làm địa điểm cho các con bạc chơi bạc và sát phạt nhau bằng tiền, Ng cũng là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc là đi mua bộ tú lơ khơ 52 quân để cho các con bạc chơi "Liêng" và nhận tiền do các con bạc cho là 300.000đ. Nguyễn Văn L2 có vai trò thứ hai trong vụ án vì là người khởi xướng rủ Nh, L2, Ch, Đ1 đánh bạc và được các đối tượng này đồng ý tham gia chơi, tiếp đó bị cáo T và Đ2 vào tham gia đánh bạc. Xét vai trò của các bị cáo Nh, L2, Đ1, T, Đ2 là ngang nhau vì đều tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt và sử dụng số tiền đánh bạc ngang nhau. Riêng bị cáo Ch thời gian đánh bạc và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít hơn các bị cáo khác. Do vậy, khi lượng hình cũng cần xem xét hình phạt tương xứng với vai trò và hành vi của từng bị cáo để giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Bùi Văn Ng và Nguyễn Văn L1 đều có nhân thân xấu, tại bản án số 14/2008/HSST ngày 29/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt Bùi Văn Ng 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 47 tháng; Nguyễn Văn L1 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 51 tháng. Đến nay, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được đương nhiên xóa án tích nhưng lần phạm tội này vẫn thể hiện các bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo. Do vậy cần có mức án nghiêm trọng xứng với hành vi và nhân thân của mỗi bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản

1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Ng có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, hiện nay là lao động chính trong gia đình và được địa phương xác nhận nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo không lớn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thời gian xóa án tích đều trên 01 năm và không có tình tiết tăng nặng. Đối chiếu theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo Ng, L1 có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Nh đã hai lần bị Tòa án có thẩm quyền xét xử cùng về tội “Đánh bạc”, ngày 12/12/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh BN xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 18 ngày. Ngày 02/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xử phạt Nh 07 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án của Tòa án nhân dân tỉnh BN buộc Nh phải chấp hành chung cho hai bản án là 16 tháng tù. Đến nay bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo giáo dục mà tiếp tục phạm tội đánh bạc, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục, cải tạo. Do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Các bị cáo Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo sử dụng số tiền vào việc đánh bạc không lớn, Nguyễn Văn Đ1 bỏ số tiền cao nhất là 1.220.000đ, tiếp đến Nguyễn Văn L2 1.000.000đ, Lê Hữu T và Nguyễn Văn Đ2 mỗi bị cáo bỏ ra 900.000đ, Nguyễn Văn Ch bỏ ra 60.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cũng cần xem xét và áp dụng cụ thể và tương xứng với hành vi và mức độ của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ2 tham gia đánh bạc sau cùng, trong thời gian chuẩn bị xét xử đã tự nguyện nộp tiền phạt. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Đ2 mà cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Đ2 là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với một số bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 6.380.000 đồng (trong đó có 300.000đ các con bạc đưa cho Ng) là tiền các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu

sung công quỹ Nhà nước. Đối với: 01 bộ tú lơ khơ và 01 chiếc cói màu xanh đã qua sử dụng là vật dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại Nguyễn Văn Nh 2.000.000đ; Nguyễn Văn L1 3.000.000đ; Nguyễn Văn L2 1.500.000đ; Nguyễn Văn Đ1 3.500.000đ; Nguyễn Văn Ng 200.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Liên quan đến vụ án có Lê Văn L3 có mặt tại nhà Ng khi lực lượng Công an vào bắt quả tang và thu giữ của L3 01 chiếc điện thoại Iphone 5 và số tiền 1.180.000đ. Quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định L3 có hành vi đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho L3 và không xử lý là phù hợp.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn Ng, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Văn Ch phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

1. Nguyễn Văn Nh 10 (Mười) tháng tù nhưng tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 28/12/2017 đến ngày 31/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 (khoản 2 đối với Ng) Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

2. Bùi Văn Ng 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Nguyễn Văn L1 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h,p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

4. Nguyễn Văn L2 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Nguyễn Văn Đ1 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Lê Hữu T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Nguyễn Văn Ch 05 (Năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn Ng, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn Đ1, Lê Hữu T, Nguyễn Văn Ch cho Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện QV, tỉnh BN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; Phạt tiền các bị cáo Ng, Nh, L1, L2, Đ1, T, Ch, mỗi bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h,p khoản 1 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

8. Nguyễn Văn Đ2, phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước. Tiền phạt bị cáo Đ2 nộp một lần, thời hạn nộp chậm nhất sau 04 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Xác nhận bị cáo Đ2 đã tự nguyện nộp số tiền 20.200.000đ tiền phạt và án phí tại Biên lai thu tiền số 0005387 ngày 28/03/2018 của Chi cục THA dân sự huyện Quế Võ).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 6.380.000đồng. Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ tú lơ khơ và 01 chiếc cối màu xanh đã qua sử dụng.

Trả lại Nguyễn Văn Nh 2.000.000đ; Nguyễn Văn L1 3.000.000đ; Nguyễn Văn L2 1.500.000đ; Nguyễn Văn Đ1 3.500.000đ; Nguyễn Văn Ng 200.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/3/2018 giữa Công an huyện QV và Chi cục Thi hành án dân sự huyện QV).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh BN;
- VKS, CA, THADS huyện QV;
- Sở Tư pháp tỉnh BN;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Đại